

Số: 982/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 03 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 834/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/08/2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Trần Văn H**, sinh năm: 1982; HKTT: Thôn 1 K, xã B, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số: 001082008xxx, cấp ngày: 04/9/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

* **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Lan P**, sinh năm: 1985; HKTT: Số 74 ngõ 8 Đ, xã B, thành phố Hà Nội. Căn cước số: 001185009xxx, cấp ngày: 21/07/2025, nơi cấp: Bộ Công An.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 08 năm 2026;

XÉT THẤY

Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Lan P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2005 (Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2005) tại UBND xã Đ, huyện G (nay là xã B), Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 08 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh *Trần Văn H* và chị *Nguyễn Thị Lan P*.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Linh A, sinh ngày 17/09/2005 và cháu Trần Ngọc Hà A, sinh ngày 09/08/2007. Các cháu đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên việc các cháu ở với ai là do các cháu tự quyết định, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Lan P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về con riêng: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Lan P có sinh cháu Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 01/01/2019 (Giấy khai sinh số 65, đăng ký khai sinh ngày 17/08/2022 tại UBND xã Đ, huyện G, nay là xã B), thành phố Hà Nội. Chị P xác nhận là con riêng của chị, bố đẻ của cháu Minh A là người khác, cháu không phải là con của anh Trần Văn H. Anh Trần Văn H cũng xác nhận việc biết cháu Minh A không phải là con chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng anh không có ý kiến gì về việc chị P khai sinh bỏ trống phần tên cha.

Xác nhận cháu Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 01/01/2019 (Giấy khai sinh số 65, đăng ký khai sinh ngày 17/08/2022 tại UBND xã Đ, huyện G, nay là xã B), thành phố Hà Nội là con riêng của chị Nguyễn Thị Lan P (Căn cứ Kết luận giám định ADN số: HT497.26/PY-XNSH ngày 20/08/2026 của Viện Pháp y Quân đội – Cục Quân y).

Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 01/01/2019 (Giấy khai sinh số 65, đăng ký khai sinh ngày 17/08/2022 tại UBND xã Đ, huyện G, nay là xã B), thành phố Hà Nội cho chị Nguyễn Thị Lan P trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị P có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh A; anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con đối với cháu Nguyễn Ngọc Minh A.

Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Lan P có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, thay đổi, cải chính hộ tịch và thực hiện các quyền về lý lịch tư pháp cho cháu Nguyễn Ngọc Minh A (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/2019 vào Giấy khai sinh số 65 ngày 17/08/2022 của UBND xã Đ, huyện G, Hà Nội (nay là UBND xã B), thành phố Hà Nội.

- Về tài sản chung:

+ Về tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình: Anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa án không xem xét.

+ Về tài sản chung là nhà ở và đất ở: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa án không xem xét.

- Về công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì, nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Anh Trần Văn H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0002077 ngày 23 tháng 07 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Anh Trần Văn H được trả lại số tiền 150.000 đồng án phí còn thừa.

4. Hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã Đ, huyện G (nay là xã B), Hà Nội (GCN số 32/2005 ngày 21/10/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

